

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐỒNG BẰNG



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của **NHÀ MÁY GẠCH TERRAZZO**
CAO CẤP ĐỒNG BẰNG

Châu Thành, tháng 7 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐỒNG BẰNG



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của NHÀ MÁY GẠCH TERRAZZO
CAO CẤP ĐỒNG BẰNG**

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐỒNG BẰNG**



Nguyễn Duy Linh

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN**



Châu Thành, tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.Tên chủ cơ sở	1
2.Tên cơ sở	1
3.Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	2
4.Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	4
5.Các thông tin liên quan khác.....	5
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	6
1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	6
2.Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	6
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,.....	9
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	9
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	9
2.Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	11
3.Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	12
4.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	13
5.Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	15
6.Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	15
1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: Không có	17
2.Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có	17
3.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	17
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	18
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....	20

CỬA CƠ SỞ.....	20
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư.....	20
2.Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	20
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	21
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	22
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	22
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	23

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
18	BTCT	Bê tông cốt thép
19	CTRYT	Chất thải rắn y tế

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở	4
Bảng 2. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí.....	7
Bảng 3. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	14
Bảng 4. Số lượng bình chữa cháy bố trí tại cơ sở	16
Bảng 5. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	17
Bảng 6. Giá trị giới hạn đối với độ rung	17
Bảng 7. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí.....	18
Bảng 8. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	21

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.	Sơ đồ vị trí của cơ sở trên bản đồ vệ tinh.....	2
Hình 2.	Quy trình sản xuất tại cơ sở	3
Hình 3.	Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa	9
Hình 4.	Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa	9
Hình 5.	Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại	10
Hình 6.	Ảnh minh họa khu vực tập kết	12

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐỒNG BẰNG**
- Địa chỉ văn phòng: Quốc lộ 53, Ấp Chăng Mật, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (ông) Nguyễn Duy Linh.
Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0932674448
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100559638 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 5/3/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/6/2022.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Nhà máy gạch terrazzo cao cấp đồng bằng**
- Địa điểm cơ sở: Cơ sở có địa chỉ tại số 15 ấp Kỳ La, xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (thuộc thửa đất số 120 tờ bản đồ số 23). Tứ cận khu đất như sau:
 - + Bắc giáp với hương lộ 10;
 - + Nam giáp với nhà dân;
 - + Đông giáp với nhà dân;
 - + Tây giáp với đất trống.

Vị trí hoạt động của cơ sở được thể hiện (ảnh vệ tinh) trong sơ đồ sau:



Hình 1. Sơ đồ vị trí của cơ sở trên bản đồ vệ tinh

- Quy mô của cơ sở:

+ Căn cứ Luật đầu tư công, Khoản 2 điều 10 và căn cứ khoản 7 mục II Phụ lục I nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu Tư Công với vốn đầu tư của cơ sở là 4,8 tỷ đồng, Cơ sở được xác định thuộc Nhóm C.

+ Căn cứ mục 2, Phụ lục V nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở nhóm III.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Phòng tài nguyên và Môi trường xem xét và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy phép môi trường.

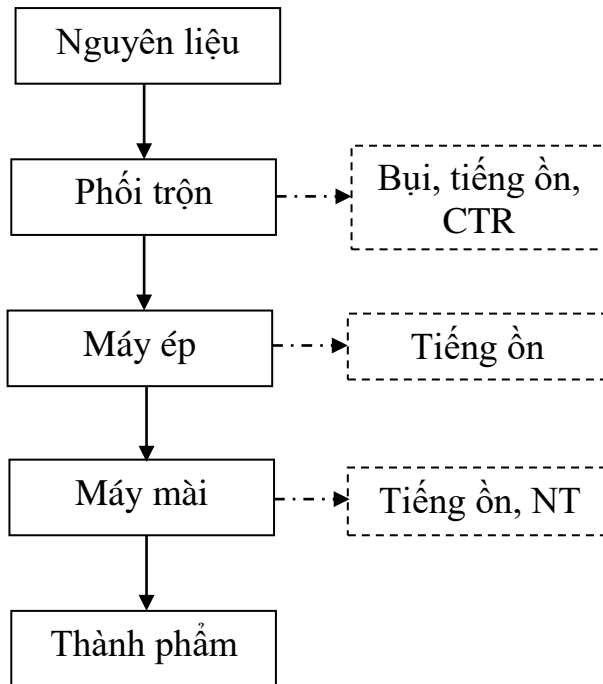
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Công suất hoạt động của cơ sở khoảng 1.000 viên/ngày.
- Công nhân làm việc tại cơ sở: tối đa là 10 người.
- Quy mô: tổng diện tích khu đất của cơ sở là 815 m² (trong đó có 227m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Hương lộ 10) tọa lạc tại ấp Kỳ La, xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Quy trình hoạt động của cơ sở được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 2. Quy trình sản xuất tại cơ sở

❖ Thuyết minh quy trình:

- Gạch Terrazzo hay còn gọi là gạch đá mài, gạch tự chèn, là một loại gạch không nung sử dụng để lát vỉa hè, sân vườn. Gạch Terrazzo được sản xuất từ các nguyên liệu như: Xi măng; Cát; Đá bụi; Đá mi; Bột đá; Bột màu và Hạt đá granite. Gạch được sản xuất bằng cách ép thủy lực 2 thành phần vữa riêng biệt lại với nhau là lớp bề mặt lớp cốt, có khả năng chịu lực tốt.

- Sự khác nhau giữa các viên gạch lát chủ yếu là ở hình dạng, kích thước và độ dày cũng như thành phần nguyên liệu tạo nên lớp bề mặt. Đó cũng là yếu tố quyết định đối với bề mặt hoàn thiện của lớp này. Sau khi ép, gạch sẽ được mài, đánh bóng như gương và có thể được vát cạnh.

- Gạch Terrazzo gồm 2 lớp là lớp cốt và lớp bề mặt, hay còn gọi là lớp men màu. Nguyên liệu lớp cốt bao gồm: Mạt đá; Xi măng; Nước được công nhân định lượng vào gầu tải rồi đưa lên máy trộn.

- Hỗn hợp nguyên liệu sau khi trộn đều sẽ được xả vào các xe để vận chuyển ra vị trí máy tạo hình. Cùng lúc đó là trộn nguyên liệu lớp bề mặt.

- Nguyên liệu lớp bề mặt bao gồm: Đá hạt, Cát, Bột đá, Xi măng, Bột màu, Nước,... được công nhân đưa vào máy trộn. Các nguyên liệu được trộn đều, tạo thành một hỗn hợp dạng sệt. Sau đó, hỗn hợp được xả vào các xe để vận

chuyển ra vị trí máy tạo hình.

- Hỗn hợp nguyên liệu lớp bề mặt và lớp cốt được công nhân đưa vào khuôn. Nguyên liệu lớp bề mặt được đưa vào trước và nguyên liệu lớp cốt sau, tạo thành 2 lớp riêng biệt.

- Máy tạo hình sử dụng lực ép thủy lực lớn để định hình viên gạch trong khuôn và đóng rắn viên gạch. Sau khi ép tạo hình, viên gạch được máy tự động tách ra khỏi khuôn và được công nhân xếp lên giá.

- Sau quá trình tạo hình, gạch được đưa vào máy mài để mài phẳng và đánh bóng lớp bề mặt để tạo nên lớp men màu có tính thẩm mỹ cao. Sau đó, gạch được công nhân xếp thành kiện, quấn đai rồi mang ra bãi dưỡng. Sau quá trình dưỡng khoảng 15 ngày có thể xuất bán sản phẩm.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở cung cấp các sản phẩm gạch terrazzo với công suất khoảng 1.000 viên/ngày tương đương khoảng 30.000 viên/tháng.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất

Nguyên liệu sử dụng trong hoạt động của cơ sở chủ yếu là xi măng, cát, đá bụi, đá mi, bột đá, bột màu,...

Bảng 1. Máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng
1	Máy hơi	01	80%
2	Máy ép	01	80%
3	Máy mài	01	80%
4	Máy trộn	04	80%
5	Băng tải	01	80%
6	Máy phát điện	01	80%

(Nguồn: Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng, 2023)

4.2. Điện năng

- Nguồn cung cấp điện: Điện lực Thành Phố Trà Vinh
- Nhu cầu sử dụng điện khoảng 1.100 kWh/tháng (nguồn: Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng). Việc sử dụng điện phục vụ cho mục đích thắp sáng và hoạt động của các loại máy móc, thiết bị.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp nước: Công ty CP cấp thoát nước Trà Vinh.
- Nhu cầu tiêu thụ nước phục vụ sinh hoạt tại cơ sở: 0,8 m³/ngày (căn cứ theo định mức tại QCVN 01:2021/BXD bình quân mỗi người sử dụng khoảng 80 lít/ngày.đêm). Số lượng công nhân làm việc tại cơ sở khoảng 10 người.
- Nhu cầu tiêu thụ nước phục vụ sản xuất của cơ sở khoảng: 6,2 m³/ngày để phối trộn nguyên liệu và dùng cho máy mài.

5. Các thông tin liên quan khác

Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở hoạt động trên diện tích đất 815 m² (trong đó có 227m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Hương lộ 10). Trong đó, khu vực cơ sở đã hoàn thiện với kết cấu BTCT, tường gạch, mái lợp tôn.

Một số hình ảnh về các hạng mục, công trình và máy móc của cơ sở:



Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh.

Vị trí thực hiện cơ sở tại số 15 ấp Kỳ La, xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (thuộc thửa đất số 120 tờ bản đồ số 23) thuận lợi trong giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm. Mặt khác lợi thế của huyện Châu Thành là nằm tiếp giáp với thành phố Trà Vinh, có các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy quan trọng chạy qua, tạo thành mạng lưới khép kín giúp cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa – xã hội với các vùng lân cận rất thuận lợi.

Cơ sở phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Cơ sở đã được xây dựng trước đó nên không có giai đoạn xây dựng, góp phần giảm thiểu một phần các tác động môi trường.

- Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân, cải thiện đời sống một lượng lớn nhân dân trong vùng, qua đó góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế vùng nông thôn.

- Tạo ra nguồn lợi nhuận cho cơ sở, đóng góp cho ngân sách địa phương.

Do vậy, việc thực hiện của “Nhà máy gạch terrazzo cao cấp đồng bằng” là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cũng như chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

Trong quá trình hoạt động của cơ sở có phát sinh nước thải công nghiệp nhưng không xả thải ra môi trường nước. Do đó, hoàn toàn không gây các tác động tiêu cực và sức ép lên khả năng chịu tải của môi trường nước.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Trong quá trình hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải công nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động cơ sở có phát sinh bụi, khí thải từ các máy móc, thiết bị hoạt động tại cơ sở.

Nhìn chung, đây là các nguồn thải phát sinh với tần suất không liên tục, tải lượng chất ô nhiễm rất thấp, nên không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí. Để đánh giá chất lượng môi trường không khí Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng đã phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện lấy mẫu thử nghiệm không khí tại điểm cách khu vực sản xuất khoảng 100m có kết quả như sau:

- Vị trí thu mẫu: không khí cách cơ sở khoảng 100m
- Thời gian lấy mẫu: 29/5/2023
- Chỉ tiêu thử nghiệm: Bụi, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO

Bảng 2. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	68,2	-	70
2	Bụi	mg/m ³	0,072	0,3	-
3	SO ₂	mg/m ³	0,089	0,35	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,085	0,2	-
5	CO	mg/m ³	7,25	30	-

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

* Ghi chú:

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.
- QCVN 05: 2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

* **Nhận xét:** Môi trường không khí cách khu vực cách cơ sở khoảng 100m có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép

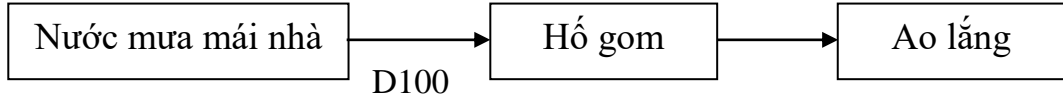
của QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Như vậy, tại thời điểm lập báo cáo chất lượng môi trường không khí cách khu vực sản xuất khoảng 100m có chất lượng tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom và thoát nước mưa:



Hình 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

- Nước mưa chảy tràn phần mái nhà của cơ sở sẽ được thu gom bằng ống nhựa PVC có đường kính D100 chảy qua hố gom kích thước (1,2 x 1m) sau đó chảy vào ao lắng phía sau khuôn viên của cơ sở.

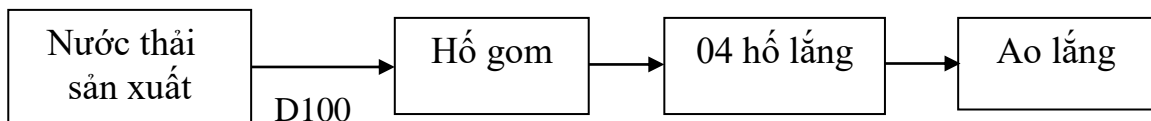
- Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn:
- + Vệ sinh sân bãi, đường nội bộ. Tần suất thực hiện 01 lần/ngày.
- + Các loại chất thải rắn được tập kết đúng nơi quy định để hạn chế nguồn gây ô nhiễm cho nước mưa chảy tràn.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực vệ sinh của nhân viên khoảng 0,8 m³/ngày.đêm được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn.

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt
- + Có 02 hầm tự hoại thể tích hầm tự hoại với thể tích mỗi hầm là 4,5m³ có kích thước LxBxH: 1,5 x 2 x 1,5m.
- + Đường ống ngầm PVC D110.
- + Độ dốc của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt 0,25%, đảm bảo hướng thoát hướng về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Nước thải sản xuất tại cơ sở phát sinh khoảng 05 m³/ngày sẽ được thu gom như sau:



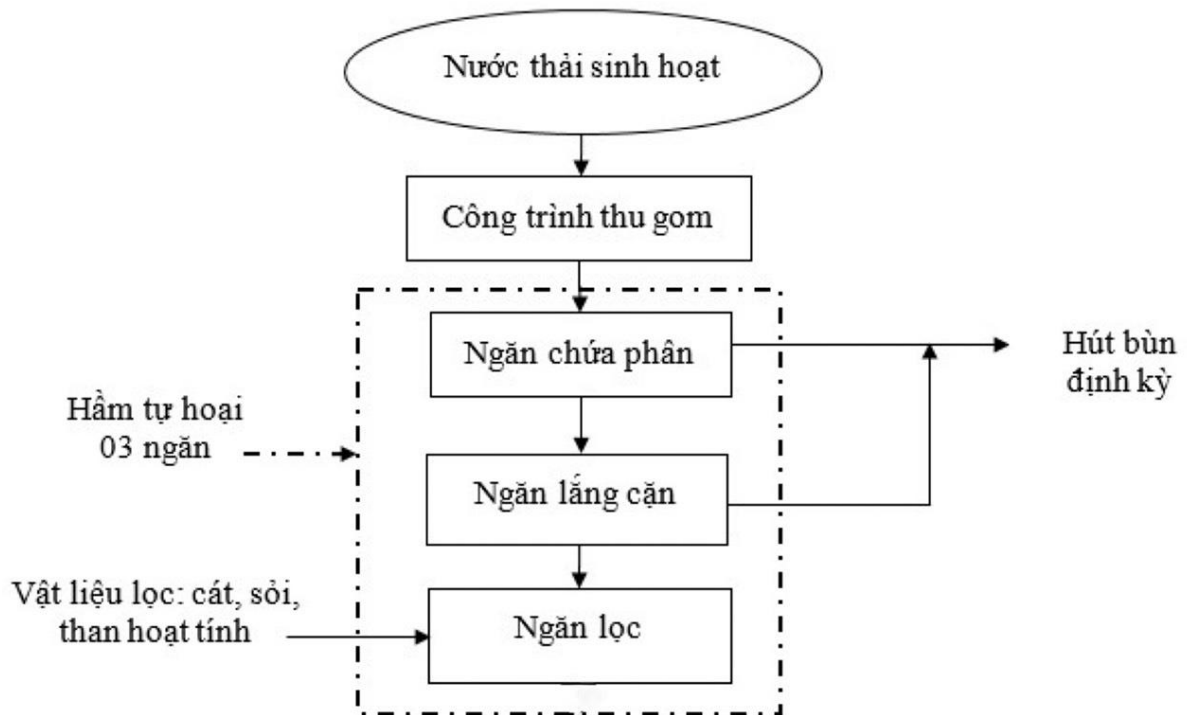
Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

1.3. Xử lý nước thải

- Trong quá trình hoạt động cơ sở có phát sinh nước thải sản xuất được

thu gom bằng đường ống nhựa có đường kính D100 vào hố gom, sau đó lần lượt chảy qua 04 hố lắng đã được xây dựng. Nước thải sau khi qua 04 hố lắng sẽ được chảy vào ao lắng phía sau khuôn viên của cơ sở và không xả thải ra môi trường.

- Nước thải sinh hoạt tại cơ sở sẽ được xử lý bằng hầm tự hoại nguyên lý hoạt động theo sơ đồ sau:



Hình 5. Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại

* **Thuyết minh quy trình:** Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 02 chức năng bao gồm lắng và phân huỷ cặn lắng.

Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

+ Ngăn chứa và phân huỷ kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm $\frac{1}{2}$ tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối.

+ Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể và giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân huỷ các hợp chất

hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân hủy trong bể.

+ Nước thải tiếp tục theo dòng chảy sang ngăn thứ hai ngăn lắng. Thể tích của ngăn lắng chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo,... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là CH_4 , CO_2 , H_2S , NH_3 ,...).

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

- Xử lý bùn thải phát sinh từ hầm tự hoại: Thực hiện thuê đơn vị có chức năng hút bùn thải hầm tự hoại và xử lý đúng quy định. Tần suất thực hiện: 01 lần/năm.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý

Quá trình hoạt động Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng không phát sinh khí thải công nghiệp. Do đó, cơ sở không lắp đặt công trình thu gom khí thải tại cơ sở.

2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt

Quá trình hoạt động Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng không phát sinh khí thải công nghiệp chỉ phát sinh bụi. Do đó, cơ sở không lắp đặt công trình xử lý khí thải.

Bên cạnh đó cơ sở thiết kế tường bao quanh khu vực sản xuất của cơ sở để hạn chế việc phát sinh bụi ra môi trường xung quanh.

2.3. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

- Sân và đường nội bộ được bê tông hóa, giảm thiểu phát sinh bụi từ mặt đường khi có phương tiện di chuyển.

- Định kỳ vệ sinh sân và đường nội bộ với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra, bảo trì và bảo dưỡng trang thiết bị

tại Cơ sở.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Số lượng thiết bị, phương tiện thu gom và lưu chứa CTR sinh hoạt được trang bị tại cơ sở được bố trí cụ thể như sau:

+ Bố trí 01 thùng rác nhựa có thể tích 15 lít tại khu vực nhà vệ sinh.

+ Bố trí 02 thùng rác nhựa có thể tích 15 lít tại khu vực văn phòng và khu vực sản xuất.

- Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Lượng bê tông thương phẩm dư thừa, gạch hỏng phát sinh tương đối nhỏ do các dây chuyền sản xuất của nhà máy có độ chuẩn xác cao. Khi có phát sinh sẽ được thu gom về tại các vị trí tập kết tại khu vực phía sau cuối các nhà xưởng sản xuất. Vỏ bao bì từ vật liệu dùng để sản xuất gạch sẽ được thu gom tại khu vực sản xuất của cơ sở.



Hình 6. Ảnh minh họa khu vực tập kết

3.2. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở phát sinh như: đồ ăn, thực phẩm hư hỏng,... phát sinh khoảng 02 kg/ngày.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở như bê tông thương phẩm dư thừa, gạch hỏng khoảng 0,5 tấn/tháng.
- Bao bì từ vật liệu dùng cho sản xuất phát sinh khoảng 03 kg/ngày.

3.3. Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a) *Chất thải sinh hoạt*

- Tại Cơ sở thực hiện phân loại và bỏ vào thùng rác được bố trí tại khu vực của cơ sở. Sau đó sẽ thu gom vào bỏ vào thùng rác phía trước cơ sở để đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân làm việc trong công tác bảo vệ môi trường, tuyệt đối không vứt rác bừa bãi trong khu vực xung quanh.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Cơ sở sẽ thu gom và tập kết tại khu vực phía sau của cơ sở để phân loại và bán lại cho đơn vị hoặc cá nhân có nhu cầu sử dụng (dùng để lót nền hoặc san lấp mặt bằng).
- Bao bì từ vật liệu dùng để sản xuất của cơ sở sẽ được thu gom và xử lý 1 lần/ngày bằng biện pháp thiêu đốt.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí thiết bị lưu chứa CTNH:
 - + Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, đảm bảo lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.
 - + Bố trí 01 thùng rác nhựa có nắp đậy kín và dán mã chất thải nguy hại.
- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: với diện tích khoảng 02 m².
 - + Kết cấu xây dựng của khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại cụ thể như sau:
 - Nền bằng bê tông kiên cố, bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
 - Vách tường bằng bê tông kiên cố, mái lợp tole. Đảm bảo chất thải không bị tác động bởi yếu tố thời tiết (nắng, mưa,...).

- Bên trong có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa và loại/mã chất thải được lưu trữ.

4.2. *Chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh*

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở khoảng 10 kg/năm bao gồm các loại được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 3. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	20 01 21	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	NH
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	15 02 02	A3020 A3140 A3150	Y8 Y41 Y42	Đ, ĐS	Rắn	KS
08 02 04	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 03 17		Y12	Đ, ĐS	Rắn	KS
16 01 12	Pin, ắc quy thải	20 01 33	A1160 A1170	Y26 Y29 Y31	Đ, ĐS, AM	Rắn	NH

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

4.3. *Công trình xử lý chất thải nguy hại*

- Tại cơ sở thực hiện bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

- Khi khối lượng phát sinh nhiều cơ sở sẽ thuê đơn vị để chuyển giao chất thải nguy hại tại cơ sở, thực hiện xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Khu vực sản xuất được thiết kế tường bao quanh giảm thiểu tiếng ồn lan truyền từ khu vực sản xuất của cơ sở ra khu vực xung quanh.

- Đảm bảo thời gian hoạt động trong khoảng từ 07 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ hàng ngày.

- Các máy móc hoạt động tại cơ sở phải đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường

- Sử dụng các thiết bị có công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm đảm bảo được chất lượng sản phẩm và giảm thiểu được tối đa phát sinh các tác động đến môi trường, đặc biệt là tiếng ồn.

b) Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

- Đối với độ rung: áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Bố trí 03 bình chữa cháy và tiêu lệnh chữa cháy tại khu vực sản xuất của cơ sở theo đúng quy định của Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên, định kỳ và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố.

- Đường nội bộ đảm bảo thông suốt cho phương tiện chữa cháy thao tác, đảm bảo các tia nước từ xe cứu hỏa có thể khống chế được nguồn lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong Cơ sở.

- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để

được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy.

Bảng 4. Số lượng bình chữa cháy bố trí tại cơ sở

Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng
Bình CO ₂	03	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng)

b) Tai nạn lao động

✓ Biện pháp phòng ngừa

- Đề ra các nội quy an toàn lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn máy móc, thiết bị, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, tổ nhóm vi phạm.

- Cấm sử dụng điện thoại di động, làm việc riêng trong giờ làm việc;

- Đào tạo, huấn luyện các kỹ năng làm việc cho người mới được tuyển dụng;

- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho người lao động;

✓ Biện pháp ứng phó

Khi sự cố xảy ra tùy theo mức độ của tai nạn mà thực hiện các biện pháp ứng phó khác nhau nhưng về cơ bản qua các bước như sau:

- Khi phát hiện sự cố người phát hiện cần nhận biết được mức độ nguy hiểm của tai nạn và thông báo cho ban quản lý, thực hiện thao tác cứu chữa người bị tai nạn.

- Có chấn thương không nguy hiểm đến tính mạng: Sơ cứu tại chỗ nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế gần nhất. Tai nạn nghiêm trọng sơ cứu tại chỗ, gọi cấp cứu theo số 115 và làm theo hướng dẫn của y tế. Nếu huy động được phương tiện, nhanh chóng chuyển đến cơ sở để cấp cứu.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: Không có

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung: Phát sinh từ quá trình hoạt động của thiết bị máy móc tại cơ sở và phương tiện lưu thông trong khu vực cơ sở.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung:

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Bảng 5. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 6. Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT (Mức gia tốc rung cho phép, dB)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) và Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí cụ thể như sau:

- Vị trí lấy mẫu:
 - + Khu vực khuôn viên của cơ sở (KK1)
 - + Khu vực cách cơ sở khoảng 100m (KK2)
- Ngày lấy mẫu: 29/5/2023
- Chỉ tiêu thử nghiệm: Bụi, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO
- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

+ Địa chỉ: số 115, đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

+ Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 7. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
			KK1	KK2		
1	Tiếng ồn	dBA	65,5	68,2	-	70
2	Bụi	mg/m ³	0,068	0,072	0,3	-
3	SO ₂	mg/m ³	0,082	0,098	0,35	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,075	0,085	0,2	-
5	CO	mg/m ³	6,81	7,25	30	-

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

*** Ghi chú:**

- *QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.*

- *QCVN 05: 2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).*

* **Nhận xét:** Môi trường không khí khu khuôn viên cơ sở và khu vực cách cơ sở khoảng 100m đều có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư

Công trình xử lý chất thải xây dựng tại cơ sở chỉ có hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt có phát sinh nước thải rất ít và được xử lý bằng hầm tự hoại, chủ cơ sở sẽ thuê hút hầm định kỳ không xả nước thải ra môi trường do đó cơ sở không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Trong quá trình hoạt động của Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng không phát sinh khí thải công nghiệp và nước thải công nghiệp, nên không thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Căn cứ Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này có mức lưu lượng xả nước thải thấp hơn $500\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ và sẽ không phải lập chương trình quan trắc nước thải định kỳ.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

Thực hiện quan trắc môi trường không khí của Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng, cụ thể như sau:

- Vị trí quan trắc:
- + Khu vực khuôn viên của cơ sở
- + Khu vực cách khu vực cơ sở khoảng 100m
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO_2 , NO_2 , CO
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc của Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng và đơn giá được áp dụng theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại cơ sở được dự toán cụ thể như sau:

Bảng 8. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thu mẫu không khí				
1	Tiếng ồn	Mẫu	4	127.110	508.440
2	Bụi	Mẫu	4	262.620	1.050.480
3	NO ₂	Mẫu	4	440.948	1.763.792
4	SO ₂	Mẫu	4	895.978	3.583.912
5	CO	Mẫu	4	563.880	2.255.520
II	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm				6.000.000
Tổng cộng					15.162.144

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đến nay, Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng có tiếp đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường tại biên bản làm việc số 01/BB - LV của Phòng tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện Châu Thành vào lúc 8 giờ ngày 04/01/2023 với các nội dung đã được nêu trong biên bản chủ cơ sở đã tiến hành thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định và bố trí các thùng rác tại cơ sở theo góp ý của đoàn kiểm tra.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở.

- Công ty Cổ phần xây dựng đồng bằng cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại cơ sở đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng hầm tự hoại và thuê đơn vị hút hầm định kỳ.

+ Đối với nước thải sản xuất được xử lý bằng hệ thống hố lắng và ao lắng trong khuôn viên cơ sở không xả thải ra môi trường.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, đảm bảo nước mưa không bị ô nhiễm.

+ Đối với chất thải rắn (chất thải thông thường và chất thải nguy hại): Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất thải tại nguồn, thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định. Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với các nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung: Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung.

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

- Đối với độ rung: áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

+ Đối với chương trình quan trắc môi trường đã đề xuất: Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường và có chế độ báo cáo về cơ quan quản lý theo đúng quy định.

- Chủ cơ sở cam kết chuyển đổi đất đúng theo mục đích sử dụng đất theo quy định.

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2100559638

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 03 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 27 tháng 06 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐỒNG BẰNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Quốc lộ 53, Ấp Chăng Mật, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0932674448

Fax:

Email: ctydongbang.tv@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 4.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 48.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN DUY LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084082013552

Ngày cấp: 10/08/2021

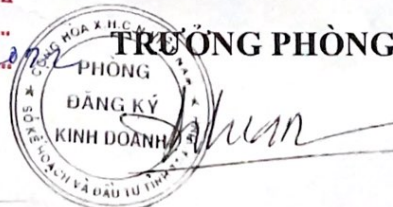
Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Ấp Bà Trâm, Xã Hưng Mỹ, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bà Trâm, Xã Hưng Mỹ, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 1879 Quyền: 04
Hòa Thuận, ngày 04 tháng 07 năm 2022

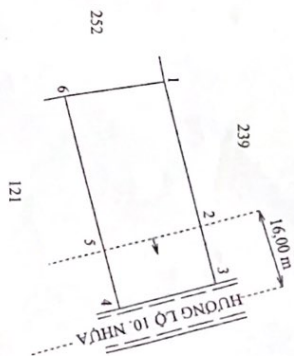


II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: **120**, tờ bản đồ số: **23**
 - b) Địa chỉ: ấp Kỳ La, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
 - c) Diện tích: 815m² (bằng chữ: Tám trăm mười lăm mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 - đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác
 - e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 23/12/2065
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhân QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-
3. Công trình xây dựng khác: -/-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
5. Cây lâu năm: -/-
6. Gai chui: -/-
- Thửa đất có 227m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Hương lộ 10

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	29,85
2 - 3	12,06
3 - 4	18,85
4 - 5	12,05
5 - 6	32,02
6 - 1	19,15



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Văn Kiên

AN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRẦN VĂN KIẾN
HƯỚNG THỰC SỬ DỤNG VỚI BẢN CHỨNH
Số chứng thực: 1.4.0. Quận số: SCT/BS
Ngày: 08/05/2019, 3

Trà Vinh, ngày 07 tháng 6 năm 2019
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
TƯỞNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI



Châu Văn Năm

Số vào sổ cấp GCN: CS12748

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển nhượng cho Ông NGUYỄN DUY LINH, Sinh năm: 1982, CMND số: 334424778, địa chỉ thường trú: ấp Bà Trâm, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; theo hồ sơ số 558450.CN.002	PHÓ GIÁM ĐỐC KT. GIẢM ĐỐC 09/01/2020 <i>Châu Văn Năm</i>



Châu Văn Năm

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 05/06/2023

Số: 06.23.559 - 2

- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐỒNG BÀNG**
- Địa điểm lấy mẫu: Số 15 ấp Kỳ Lân, xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/05/2023 Ngày trả kết quả: 05/06/2023
- Loại mẫu: Không khí Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2905.XĐB.KK01	Khu vực khuôn viên cơ sở
2905.XĐB.KK02	Khu vực cách cơ sở khoảng 100m

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995
2.	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995
3.	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009
4.	CO	mg/m ³	HD - CO

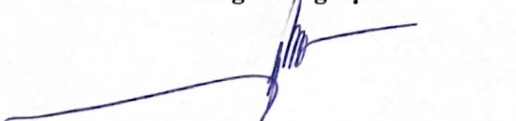
7. Kết quả:

Kết quả	Thông số			
	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
	(mg/m ³)			
2905.XĐB.KK01	0,068	0,082	0,075	6,81
2905.XĐB.KK02	0,072	0,098	0,085	7,25
QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	0,35	0,2	30

Ghi chú: – Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

- (*) : Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
- (**) : Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
- (a) : Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- (b) : Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
- KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm



Dinh Bảo Liên



Lê Thị Ngọc Huyền

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 05/06/2023

Số: 06.23.559 - 1

- Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐỒNG BẰNG**
- Địa điểm lấy mẫu: Số 15 ấp Kỳ Lân, xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/05/2023 Ngày trả kết quả: 05/06/2023
- Loại mẫu: **Ồn** Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2905.XĐB.KK01	Khu vực khuôn viên cơ sở
2905.XĐB.KK02	Khu vực cách cơ sở khoảng 100m

6. Phương pháp quan trắc:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc
1.	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878 – 2:2018

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số
	Tiếng ồn (dB(A))
2905.XĐB.KK01	65,5
2905.XĐB.KK02	68,2
QCVN 26:2010/BTNMT	<70

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
 - (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
 - (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
 - (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
 - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm



Dinh Bảo Liên



Lê Thị Ngọc Huyền

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “**Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC**”, địa chỉ tại Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **303/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 303**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

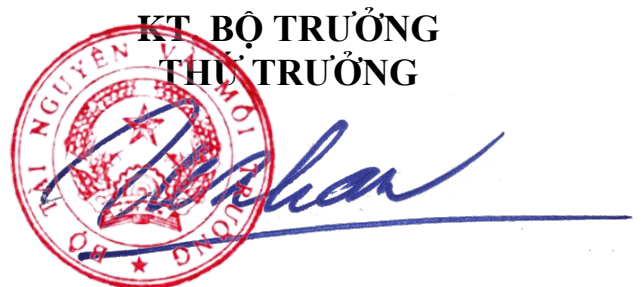
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (09).

**KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân